

TP. Hưng Yên, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc “Tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Thương.

Thư ký phiên họp: Ông Hà Đăng Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 36/2024/TLST-VDS ngày 03/6/2024, về việc “Yêu cầu Tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”, theo quyết định mở phiên họp số 02/2024/QĐST-VDS ngày 22 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Bà Trần Thị T, sinh năm 1962 (*Vắng mặt*);

HKTT/địa chỉ: Số F T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Người bị yêu cầu: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1965 (*Vắng mặt*);

HKTT: Số E T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Số F T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Hữu H, sinh năm 1958; hiện cư trú tại: Số E T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (*Vắng mặt*);

- Bà Trần Thị T2, sinh năm 1967; hiện cư trú tại: Số F đường B, phường M, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (*Vắng mặt*);

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu, biên bản lấy lời khai, đơn xin thay đổi, bổ sung đơn yêu cầu, bà Trần Thị T trình bày:

Bố, mẹ bà là cụ Trần Ngọc B (chết năm 2008) và cụ Đặng Thị H1 (chết năm 2021). Bố mẹ bà sinh được 05 người con là: Trần Hữu H, sinh năm 1958;

Trần Thị T, sinh năm 1962; Trần Thị T1, sinh năm 1965; Trần Thị T2, sinh năm 1967; Trần Thị X, sinh năm 1972 (chết năm 2018). Khi sinh ra 5 anh em đều khỏe mạnh bình thường; gia đình bà, trong phạm vi 3 đời đều không có ai bị bệnh về tâm thần hoặc có bệnh tật gì khác liên quan đến bệnh tâm thần.

Bà Trần Thị T1 khi sinh ra khỏe mạnh bình thường và được đi học đến hết cấp 2. Trước năm 19 tuổi (trước khi bị bệnh), bà T1 không có bất cứ biểu hiện gì về bệnh tật, vẫn đi học, đi làm, lao động bình thường.

Đến năm bà T1 19 tuổi, sau 1 lần bị cảm (bị ốm, yếu, mệt) bà T1 bắt đầu có những biểu hiện không bình thường như hay nói chuyện, cười một mình, nhưng bà T1 vẫn đi làm công nhân may. Tuy nhiên trong một lần mâu thuẫn với đồng nghiệp, bà T1 đã cầm kéo cắt may để giải quyết mâu thuẫn, từ đó Công ty M cho nghỉ việc, từ đó bà T1 chỉ loanh quanh ở nhà, không đi làm gì nữa.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mỗi khi bà T1 tự nói nhiều, cười một mình thì gia đình bà tự mua thuốc an thần về cho bà T1 uống mà không cho đi bệnh viện điều trị. Đến khoảng năm 2018, bà T1 ngày càng biểu hiện bị bệnh nặng hơn, như ngoài nói nhảm, cười một mình thì bà T1 còn chửi bới hàng xóm vô cớ nên gia đình bà có cho bà T1 đi khám, điều trị ở Bệnh viện T3 được khoảng 15 ngày thì được Bệnh viện cho về. Sau này mỗi lần bà T1 có biểu hiện bệnh thì gia đình cho đi khám và lấy thuốc ở Bệnh viện T3 về uống chứ không nằm điều trị nội trú lần nào nữa.

Nay do bà Trần Thị T1 hay nói nhảm, cười một mình và đôi khi chửi bới vô cớ người xung quanh nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, tuyên bố em bà là Trần Thị T1, sinh năm 1965; HKTT: Số E T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi để bà làm căn cứ giải quyết một số việc gia đình liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1.

Do các anh, em bà không thống nhất, cử được người giám hộ cho bà T1 nên bà đề nghị Tòa án chỉ định bà là người giám hộ cho bà T1, vì từ năm 2005 đến nay bà T1 đã và đang ở với bà, cũng như bà là người chăm sóc cho bà T1. Bà cũng đề nghị Tòa án chỉ định ông Trần Hữu H là người giám sát, để đảm bảo tính khách quan.

Tại các biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hữu H và bà Trần Thị T2 trình bày:

Ông H, bà T2 hoàn toàn nhất trí với diễn biến quá trình mắc bệnh của bà T1 mà bà Trần Thị T đã trình bày trước Tòa án.

Ông H, bà T2 xác nhận từ khi bố mẹ bà mất đi, các anh em trong gia đình chưa họp bàn hay cử ai là người đại diện, người giám hộ cho chị bà T1.

Trường hợp yêu cầu của bà T được chấp nhận, theo đó bà T1 bị mất năng lực hành vi dân sự, hoặc là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi thì ông H, bà T2 đề nghị Tòa án chỉ định người giám hộ, người giám sát; xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ, người giám sát theo quy định của pháp luật.

* *Kết quả xác minh tại Tổ dân phố và biên bản lấy lời khai của những người làm chứng thể hiện:* Bà Trần Thị T1 có nhiều biểu hiện không bình thường như nói chuyện nhảm một mình, cười một mình, khóc vô cớ, chửi vu vơ không nhằm vào ai. Bà T1 không có chồng, không có con, không đi làm gì, hiện bà T1 đang do bà Trần Thị T (chị gái bà T1) nuôi dưỡng.

* *Kết quả xác minh tại Bệnh viện T3:* Bà Trần Thị T1, sinh năm 1965; HKTT: Số E T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào viện điều trị nội trú từ ngày 02/7/2018, ra viện ngày 27/7/2018. Từ đó đến nay không đến điều trị lần nào tại Bệnh viện T3.

Trước khi mở phiên họp, người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị mở phiên họp vắng mặt;

Tại phiên họp:

- Người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên họp giải quyết việc dân sự, Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên căn cứ:

+ Khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 361; khoản 2, 3 Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 376; Điều 377 và Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 46; điểm d khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48; các Điều 49, 51, 54, 57, 58, 59 và Điều 136 của Bộ luật Dân sự;

+ Khoản 1 Điều 4, điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị T. Tuyên bố bà Trần Thị T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Chỉ định bà Trần Thị T là người giám hộ cho bà T1. Chỉ định ông Trần Hữu H làm người giám sát việc giám hộ cho bà T1. Miễn lệ phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị T1, sinh năm 1965; HKTT: Số E T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên là người bị đề nghị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc

người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Căn cứ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Các đương sự (bà T, ông H, bà T2) đều có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Về khả năng nhận thức, làm chủ hành vi của bà Trần Thị T1:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp, kết quả xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng thì thấy: Bà Trần Thị T1 có nhiều biểu hiện không bình thường như nói chuyện nhảm một mình, cười một mình, khóc vô cớ, chửi vu vơ không nhằm vào ai.

Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trung cầu số: 195/KLGĐ ngày 17/7/2024 của V kết luận: “*Tại thời điểm giám định đối tượng Trần Thị T1 bị bệnh rối loạn loại phân liệt. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F21. Bệnh ở giai đoạn thuyên giảm. Đối tượng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*”.

Xét thấy yêu cầu của bà Trần Thị T phù hợp với sức khỏe hiện nay của bà T1, phù hợp với Kết luận giám định, phù hợp với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên họp nên yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 23 Bộ luật Dân sự cần được chấp nhận.

[2.2] Về việc chỉ định người giám hộ:

Bố, mẹ đẻ của bà T1 đều đã chết. Bà T1 không có chồng, con. Bà T1 hiện có 03 người anh, chị, em là ông H, bà T, bà T2. Như vậy, bà T1 không có người giám hộ đương nhiên theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ việc, các anh, chị, em ruột của bà T1 không thống nhất cử được ai đứng ra giám hộ cho bà T1.

Xét thấy hiện tại bà T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà T1 từ năm 2005 đến nay. Căn cứ Điều 49 Bộ luật Dân sự về điều kiện của cá nhân làm người giám hộ thì bà T có đủ điều kiện làm người giám hộ cho bà T1. Do đó, Tòa án chỉ định bà Trần Thị T là người giám hộ cho bà Trần Thị T1. Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện theo quy định tại Điều 57, 58, 59 Bộ luật Dân sự.

[2.3] Về việc chỉ định người giám sát việc giám hộ:

Hiện có ông H, bà T2 là người có đủ điều kiện giám sát việc giám hộ cho bà T1. Tuy nhiên, bà T2 đề nghị chỉ định ông H là người giám sát việc giám hộ, mặt khác, ông H là con lớn nhất trong gia đình cụ B, cụ H1; ông H là người có đủ điều kiện để giám sát việc giám hộ theo khoản 3 Điều 51 Bộ luật dân sự. Do đó, Tòa án chỉ định ông Trần Hữu H là người giám sát việc giám hộ cho bà Trần Thị T1. Quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Bộ luật Dân sự.

[3] Về chi phí giám định:

Chi phí giám định năng lực hành vi dân sự đối với bà Trần Thị T1, người yêu cầu là bà Trần Thị T chịu và đã nộp để thực hiện xong thủ tục giám định theo quy định của pháp luật, bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Về lệ phí:

Bà Trần Thị T phải chịu Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết việc dân sự thì bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn lệ phí việc dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 4, điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự cho bà Trần Thị T;

[5] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 361; khoản 2, 3 Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 376; Điều 377 và Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 46; điểm d khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48; các Điều 49, 51, 54, 57, 58, 59 và Điều 136 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 4, điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị T về việc tuyên bố bà Trần Thị T1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Tuyên bố bà Trần Thị T1, sinh 1965; đăng ký HKTT: Số E T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; địa chỉ hiện nay: Số F T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Số CCCD: 020165000032 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH cấp ngày 09/5/2021 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Chỉ định bà Trần Thị T, sinh năm 1962, HKTT: Số F T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên là người giám hộ cho bà Trần Thị T1. Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện theo quy định tại các Điều 57, 58, 59 của Bộ luật Dân sự.

- Chỉ định ông Trần Hữu H, sinh năm 1958; HKTT: Số E T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên là người giám sát việc giám hộ cho bà Trần Thị T1. Quyền và nghĩa vụ của người giám sát việc giám hộ được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Bộ luật Dân sự.

2. Về lệ phí: Miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự cho bà Trần Thị T.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND TP. Hưng Yên;
- Chi cục THADS TP. Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Thương